



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Đối tượng áp dụng: Khóa tuyển sinh 2019

Ngành: **CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Chuyên ngành: *Mạng máy tính*

Số tín chỉ tích lũy:

133 tín chỉ

Mã số ngành: **7480201**

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			49	49	0	0	0	0	
Phần bắt buộc			34	34	0	0	0	0	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			13	13	0	0	0	0	
1	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3					POL104
2	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2					
3	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3					POL102
4	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL103
5	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			0	0	0	0	0	0	
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			9	9	0	0	0	0	
1	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
2	NAS202	Toán cao cấp	3	3					
3	NAS204	Vật lý đại cương	3	3					
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			3	3	0	0	0	0	
I.4.01	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
I.5. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			6	6	0	0	0	0	
1	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3					
2	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	3	3					
I.6. Các học phần về tổ chức cá nhân chung			3	3	0	0	0	0	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
Phần tự chọn			15	15	0	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 2 học phần)	3						
1	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1		3					
2	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng		3					
		(Chọn 1 trong 2 học phần)	3						
1	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2		3					ENG201
2	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt		3					
		(Chọn 1 trong 2 học phần)	3						
1	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa		3					
2	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại		3					
		(Chọn 1 trong 2 học phần)	3						
1	MAN201	Quản trị học		3					
2	NAS203	Thống kê ứng dụng		3					
		(Chọn 1 trong 2 học phần)	3						
1	ACC201	Kế toán đại cương		3					
2	MAR201	Marketing căn bản		3					

II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			84	45	15	10	2	12	
II.1. Các học phần cơ sở ngành			24	18	5	1	0	0	
1	INT306	Nhập môn ngành CNTT	2	2					
2	INT310	Trải nghiệm ngành, nghề CNTT	1			1			INT306
3	INT302	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2	2					INT305
4	INT307	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	1		1				INT302
5	INT305	Kỹ thuật lập trình	2	2					
6	INT309	Thực hành Kỹ thuật lập trình	2		2				INT305
7	INT304	Kiến trúc máy tính	2	2					
8	NAS306	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2	2					NAS202
9	NAS307	Thực hành toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	1		1				NAS306
10	INT303	Cơ sở dữ liệu	3	3					INT305
11	INT308	Thực hành Cơ sở dữ liệu	1		1				INT303
12	INT429	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3	3					
13	ELE307	Linh kiện điện tử	2	2					
II.2. Các học phần chuyên ngành			43	27	10	4	2	0	
II.2a. Phần bắt buộc			34	21	7	4	2	0	
1	INT411	An toàn và bảo mật thông tin	2	2					INT305
2	INT416	Hệ điều hành	2	2					
3	INT419	Lập trình hướng đối tượng	2	2					INT302
4	INT435	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	1		1				INT419
5	INT454	Quản trị hệ thống mạng	2	2					INT427
6	INT455	Thực hành Quản trị hệ thống mạng	1		1				INT428
7	INT456	Công nghệ mạng viễn thông	3	3					INT303
9	INT423	Lập trình web	2	2					INT419
10	INT439	Thực hành Lập trình web	1		1				INT423
11	INT430	Tổ chức và quản trị các dịch vụ mạng	2	2					INT303
12	INT445	Thực hành Tổ chức và quản trị các dịch vụ mạng	1		1				INT417
13	INT425	Mạng máy tính	2	2					
14	INT441	Thực hành Mạng máy tính	1		1				INT425
15	INT457	Lập trình mạng	2	2					INT303
16	INT458	Thực hành Lập trình mạng	1		1				INT427
17	INT412	Cơ sở Trí tuệ nhân tạo	2	2					INT302
18	INT431	Thực hành Cơ sở Trí tuệ nhân tạo	1		1				INT412
19	INT459	Đồ án chuyên ngành Mạng máy tính	2				2		INT447
20	INT450	Thực tập cơ sở CNTT	4			4			INT443
II.2b. Phần tự chọn			9	6	3	0	0	0	
	Chọn 9 tín chỉ		9	6	3				
1	INT460	Hệ điều hành Linux	2	2					
2	INT461	Thực hành Hệ điều hành Linux	1		1				INT424
3	INT462	Thiết kế mạng	3	3					
5	INT463	Thực hành Thiết kế mạng	2		2				
6	INT413	Điện toán đám mây	2	2					INT430
7	INT432	Thực hành Điện toán đám mây	1		1				
8	INT424	Lập trình web nâng cao	2	2					INT413

9	INT440	Thực hành Lập trình web nâng cao	1		1				
10	INT449	Xây dựng chuẩn an toàn thông tin cho doanh nghiệp	2	2					INT422
11	INT446	TH xây dựng chuẩn an toàn thông tin cho doanh nghiệp	1		1				
12	INT421	Lập trình trên các thiết bị di động	2	2					INT449
13	INT437	Thực hành lập trình trên các thiết bị di động	1		1				
II.3. Các học phần tốt nghiệp			17	0	0	5	0	12	
1	INT501	Thực tập tốt nghiệp Mạng máy tính	5			5			INT450
2	INT502	Đồ án tốt nghiệp đại học Mạng máy tính	12					12	INT501
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY									
1	DEE104	Giáo dục quốc phòng	8						
2	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1				
3	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1				
4	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1				
5		Kỹ năng mềm							
6		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra							
7		Tin học chuẩn đầu ra							